

Bản án số: 69/2022/HNGĐ-ST

Ngày 30/9/2022

*“V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ MỸ HÀO – TỈNH HƯNG YÊN

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trương Thế Dương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Đức Hượng.  
2. Bà Đặng Thị Tuyết Hương.

Thư ký phiên toà: Ông Phạm Đăng Toàn - Thư ký của Tòa án nhân dân thị xã Mỹ Hào.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Mỹ Hào tham gia phiên toà: Ông Bùi Kim Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Mỹ Hào xét xử sơ thẩm công khai vụ án tranh chấp Hôn nhân và gia đình thụ lý số 108/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2020 về việc *“Tranh chấp Hôn nhân gia đình”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/ 9/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/ 2022/QĐST-HNGĐ ngày 27/9/2022, giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Anh Phạm Văn S, sinh năm 1977 (*Có mặt*).

HKTT: Tổ dân phố P, phường B, thị xã M, tỉnh H.

**\* Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1976 (*Vắng mặt*).

HKTT: Thôn M, xã H, huyện C, thành phố H.

Nơi ở hiện tại: Khu tập thể Q165, Tổ dân phố P, phường B, thị xã M, tỉnh H.

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Cháu Phạm Tuấn A, sinh ngày 21/01/2003 (*Vắng mặt*).

2. Cháu Phạm Quang H, sinh ngày 04/08/2009 (*Vắng mặt*).

+ Người đại diện hợp pháp cho cháu Phạm Quang H: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1976 (*Vắng mặt*).

HKTT: Thôn M, xã H, huyện C, thành phố H.

Nơi ở hiện tại: Khu tập thể Q165, Tổ dân phố P, phường B, thị xã M, tỉnh H.

\* *Người làm chứng:* Ông Phạm Văn Đ, Sinh năm 1950 (*Vắng mặt*).  
HKTT: Tổ dân phố P, phường B, thị xã M, tỉnh H.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 10 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Phạm Văn S trình bày như sau:

*Về quan hệ hôn nhân:* Anh Phạm Văn S và chị Nguyễn Thị H đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân thị trấn Bần Yên Nhân, huyện Mỹ Hào (*nay là UBND phường Bần Yên Nhân, thị xã Mỹ Hào*), tỉnh Hưng Yên năm 2005 và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thời điểm mâu thuẫn từ giữa năm 2017 và liên tục mâu thuẫn cho đến nay. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau về quan điểm sống, không thống nhất trong việc làm ăn xây dựng kinh tế gia đình và mọi vấn đề nên hai bên rất nhiều lần xảy ra to tiếng, cãi vã, không tìm được tiếng nói chung. Thực tế vợ chồng ly thân nhau từ giữa năm 2018 cho đến nay, mỗi người sống một nơi, việc của ai người ấy lo, thu nhập của ai người đó quản lý. Nay anh xác định cuộc sống không hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn. Mặc dù hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên giải nhưng đến nay tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện, vẫn đang ly thân nhau nên không thể sống chung. Vì vậy, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H để mỗi bên ổn định cuộc sống.

*Về con chung:* Anh Phạm Văn S và chị Nguyễn Thị H có 02 con chung là cháu Phạm Tuấn A, sinh ngày 21/01/2003 và cháu Phạm Quang H, sinh ngày 04/8/2009, hiện tại hai cháu đang ở với mẹ. Khi ly hôn, anh tôn trọng nguyện vọng của hai cháu. Nếu các cháu ở với ai thì anh cũng nhất trí và anh sẽ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Còn nếu anh nuôi dưỡng thì anh tự nguyện không yêu cầu chị Hạnh cấp dưỡng.

*Về tài sản:* Anh S xác định, vợ chồng có các tài sản chung bao gồm: 01 tủ lạnh mua 14.000.000đ năm 2009, 01 máy giặt mua 8.000.000đ năm 2010, 01 xe đạp điện mua 12.000.000đ năm 2013, 01 tủ quần áo gỗ mua 5.000.000đ năm 2018, 01 tivi mua 6.000.000đ năm 2017; 01 xe máy nhãn hiệu Honda Lead mua 42.000.000đ năm 2012. Trong số các tài sản này thì anh chỉ đang quản lý, sử dụng 01 xe máy nhãn hiệu Honda Lead. Còn các tài sản còn lại hiện tại chị H đang quản lý, sử dụng. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, nếu chị Hạnh yêu cầu Tòa án giải quyết thì đó là quyền của chị H. Anh xác định, vợ chồng không có nhà, đất nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng anh chỉ sống nhờ nhà đất của bố mẹ đẻ là ông Phạm Văn Đ và bà Vũ Thị T tại phường Bần Yên Nhân, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.

Về việc chuyển nhượng đất: Anh xác định, đất của bố mẹ đẻ anh chuyển nhượng một phần đất đăng sau được 70.000.000đ (*Bảy mươi triệu đồng*). Anh và chị H đứng tên ký nhận tiền thay bố mẹ đẻ anh số tiền bán đất trên từ người mua đất là ông L. Số tiền này anh đã sử dụng vào việc xây nhà trên đất của bố mẹ đẻ. Nhà này do vợ chồng anh cùng nhau xây dựng năm 2018 trên đất của bố mẹ đẻ anh. Tổng giá trị tiền xây nhà hơn 400.000.000đ (*Bốn trăm triệu đồng*). Tuy nhiên, chị H chỉ đóng

góp khoảng 25.000.000đ (*Hai mươi lăm triệu đồng*). Còn lại tiền xây là của anh và bố mẹ anh. Vì vậy, anh tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Năm 2020, bố mẹ anh bán cả đất và nhà vợ chồng anh xây được 1.340.000.000đ (*Một tỷ, ba trăm, bốn mươi triệu đồng*). Sau khi bán nhà, đất, chị H đã đòi số tiền đóng góp trên và bố mẹ anh đã trả trực tiếp 25.000.000đ cho chị H, giấy tờ nhận tiền là bà mua nhà, đất giữ. Vì vậy, anh tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về nợ, công sức và ruộng nông nghiệp:* Anh và chị H không có, anh tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:

*Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh S đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Bần Yên Nhân, huyện Mỹ Hào (nay là phường Bần Yên Nhân, thị xã Mỹ Hào), tỉnh Hưng Yên. Chị không hiểu lý do gì anh S ly hôn với chị, chị không đồng ý ly hôn với anh S.

*Về con chung:* Chị và anh S có 02 con chung là cháu Phạm Tuấn A, sinh ngày 21/01/2003 và cháu Phạm Quang H, sinh ngày 04/8/2009. Hiện cả hai cháu đang ở với chị tại nhà trọ, nếu vợ chồng ly hôn thì chị tôn trọng nguyện vọng của hai cháu. Nếu cháu có nguyện vọng ở với ai thì tôi cũng nhất trí.

*Về tài sản:* Chị H xác định, chị chỉ tranh chấp tiền bán nhà thôi. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết chia tiền bán nhà là 780.000.000đ (*Bảy trăm tám mươi triệu đồng*) hiện tại ông Phạm Văn Đ và bà Nguyễn Thị T hứa cho và đang cầm. Chị yêu cầu chia làm 04 phần, trong đó 02 phần của 02 vợ chồng và 02 phần của 02 con.

*Về nợ, công sức và ruộng nông nghiệp:* Chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Cháu Phạm Tuấn A: Tòa án chưa lấy được ý kiến của cháu. Quan điểm của anh S là không cần thiết phải đưa cháu đến Tòa. Vì thực tế anh không tranh chấp gì về việc nuôi con với chị H. Cháu ở với bố hoặc mẹ thì anh cũng đều nhất trí. Giữa vợ chồng anh và cháu Tuấn A không có gì vướng mắc. Cháu có ý kiến của cháu hay không thì cũng không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ việc. Anh thấy rằng, chị H đang không hợp tác nên không muốn đưa cháu đến Tòa án để làm việc nên Tòa án nếu có thông báo nữa thì chị H cũng không đưa cháu đến Tòa án. Nay, quan điểm của anh là đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Hạnh được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Phạm Tuấn A đến khi thành niên và anh cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Vì vậy, anh đề nghị Tòa án không triệu tập cháu đến Tòa án để lấy lời khai nữa.

Cháu Phạm Quang H trình bày: Hiện tại cháu đang ở với mẹ cháu tại Tổ dân phố Phố Bần, phường Bần Yên Nhân, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên. Cháu được biết giữa bố mẹ cháu thường xuyên xảy ra to tiếng, cãi nhau, còn nguyên nhân vì sao thì cháu không biết. Bố và mẹ cháu có ở được với nhau hay không là do bố mẹ cháu tự quyết định. Trong trường hợp bố mẹ cháu không ở được với nhau thì cháu có nguyện

vọng được ở với bố cháu, đây là sự tự nguyện của cháu. Tuy nhiên, tại biên bản làm việc ngày 28/9/2022, cháu thay đổi ý kiến. Cụ thể, cháu H xin được ở với chị Hạnh.

\* Người làm chứng ông Phạm Văn Đ (*bố đẻ anh S*) trình bày: Việc anh S và chị H có ở được với nhau hay không là do anh chị tự quyết định. Giữa ông và chị H không liên quan gì về tài sản. Ông đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng chị H đều vắng mặt nên không hòa giải được, do đó phải đưa vụ kiện ra xét xử.

**Tại phiên tòa hôm nay:** Vắng mặt bị đơn chị Nguyễn Thị H, vắng mặt toàn bộ người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cũng như vắng mặt người làm chứng.

Nguyên đơn anh Phạm Văn S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Anh S và đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Mỹ Hào phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng:* Tòa án thụ lý vụ án, lấy lời khai, thu thập chứng cứ, thông báo về phiên họp kiểm tra về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tiến hành mở phiên họp kiểm tra về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, lập biên bản không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử độc lập, Thẩm phán và Thư ký chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- *Về nội dung:* Viện kiểm sát đề nghị Tòa án chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của anh S và xử cho anh S được ly hôn với chị H; Về con chung: Giao cháu Phạm Quang H, sinh ngày 04/8/2009 cho chị H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi thành niên và ghi nhận sự tự nguyện của anh S về việc cấp dưỡng nuôi cháu H hàng tháng cho chị H số tiền 2.000.000đ/ tháng, đến khi cháu Huy thành niên, thời điểm cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Về tài sản, vay nợ, công sức và ruộng nông nghiệp: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét khách quan toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Phạm Văn S và chị Nguyễn Thị H tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Bần Yên Nhân, huyện Mỹ Hào (*nay là Ủy ban nhân dân phường Bần Yên Nhân, thị xã Mỹ Hào*), tỉnh Hưng Yên năm 2005 và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn là đúng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Nay anh S khởi kiện xin ly hôn với chị H nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn là chị H có nơi cư trú tại Khu tập thể Q165, phường Bần Yên Nhân, thị xã Mỹ Hào nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là cháu Tuấn A và cháu H; Vắng mặt người làm chứng là ông Phạm Văn Đ

nhưng đều đã có đơn và lời khai đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt tất cả những người này là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Lời trình bày của anh S và cháu H là con của anh chị đã thể hiện rõ trong quá trình chung sống giữa anh chị đã phát sinh mâu thuẫn, thời điểm mâu thuẫn vào năm 2017. Về nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị không hợp nhau về quan điểm sống và thực tế anh chị ly thân nhau từ năm 2018 cho đến nay. Nay anh S xác định cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mâu thuẫn đã quá trầm trọng, không thể hàn gắn tình cảm và anh S yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Đối với chị H, không đồng ý ly hôn nhưng chị không đưa ra được biện pháp để hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng mà thực tế vẫn đang ly thân nhau, tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Điều đó đã cho thấy tình cảm yêu thương gắn bó giữa anh chị không còn, phản ánh đúng thực trạng hôn nhân của vợ chồng là mâu thuẫn đã trầm trọng, có đầy đủ căn cứ cho ly hôn. Vì vậy, Tòa án sẽ chấp nhận đơn khởi kiện của anh S và giải quyết cho anh S được ly hôn với chị H.

[3] Về con chung: Anh S và chị H có 02 con chung là cháu Phạm Tuấn A, sinh ngày 21/01/2003 và cháu Phạm Quang H, sinh ngày 04/8/2009.

Đối với cháu Phạm Tuấn A, đến thời điểm xét xử cháu đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự. Anh, chị đều không có ý kiến gì nên không đặt ra giải quyết.

Đối với cháu Phạm Quang H, cháu có nguyện vọng ở với chị H và anh S cũng đồng ý và tự nguyện cấp dưỡng nuôi dưỡng cháu cho chị H hàng tháng số tiền 2.000.000đ/ tháng đến khi cháu Huy thành niên. Thực tế từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay thì cháu H vẫn đang ở với chị H và nay có nguyện vọng được ở cùng chị H nên cháu H tiếp tục ở với chị H là phù hợp, đảm bảo quyền lợi chính đáng cho cháu; Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cháu H cho chị H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi thành niên và ghi nhận sự tự nguyện của anh Sơn cấp dưỡng nuôi cháu H hàng tháng số tiền 2.000.000đ/ tháng. Thời điểm cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về tài sản: Anh S tự nguyện không yêu cầu giải quyết. Chị H trong quá trình giải quyết vụ án chị có ý kiến yêu cầu xem xét, giải quyết phần tiền bán nhà. Tòa án đã ra Thông báo về việc nộp tiền tạm ứng án phí chia tài sản vợ chồng. Tuy nhiên, chị H không thực hiện thủ tục nộp tạm ứng án phí theo quy định. Vì vậy, về tài sản không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này anh, chị có yêu cầu sẽ được xem xét, giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] Về nợ, công sức và ruộng nông nghiệp: Anh S tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị H không có ý kiến gì. Vì vậy, không đặt ra để giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này anh, chị có yêu cầu sẽ được xem xét, giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] Về án phí: Anh Phạm Văn S phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

***Vì các lẽ trên,***

**QUYẾT ĐỊNH:**

\* Căn cứ vào: - Điều 56; Điều 57; Điều 73; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn S. Xử cho anh Phạm Văn S được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Quang H, sinh ngày 04/8/2009 cho chị Nguyễn Thị H nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi thành niên. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Phạm Văn S cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Quang H hàng tháng số tiền 2.000.000đ/ tháng. Thời điểm cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Anh Phạm Văn S có quyền thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở anh Sơn thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con chung: Anh Phạm Văn S và chị Nguyễn Thị H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được quyền thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng bên có nghĩa vụ chậm thi hành án khoản tiền cấp dưỡng thì phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.*

3. Về tài sản, vay nợ, công sức và ruộng nông nghiệp: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí: Buộc anh Phạm Văn S phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí sơ thẩm ly hôn và 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn 300.000đ anh S đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0004297 ngày 08/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên, anh Sơn đã nộp xong án phí sơ thẩm ly hôn và còn phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Bị đơn, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

**Nơi nhận:**

- VKSND thị xã Mỹ Hòa;
- Chi cục T.H.A DS thị xã Mỹ Hòa;
- Phòng KTNV và THA - Toà án tỉnh Hưng Yên;
- Các đương sự;
- UBND phường Bần Yên Nhân;
- Lưu HS vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Trương Thế Dương**